TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2026/DS-PT
Ngày: 11 - 3 - 2026
"V/v tranh chấp QSD đất giáp ranh"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Trung**

Bà **Ngô Thị Kim Châu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lê Thị Ngọc Phấn -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất giáp ranh"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim E, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện cho bà Hồ Thị Kim E, theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện cho bà Hồ Thị Kim E, theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2025:

- Anh Trần Quang K, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Số G, khu phố C, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Hà P, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện của bà Hồ Thị Kim E, theo văn bản ủy quyền lại ngày 29/9/2025: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Trung H; Luật sư Nguyễn Văn T1; Luật sư Nguyễn Thị T2, đều là Luật sư của Công ty L - chi nhánh M1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện cho ông Bùi Văn T3, theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2025: Ông Phan Quang T4, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1971.

Người đại diện cho bà Nguyễn Thị Kim H1, theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2023: Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim E, là nguyên đơn; ông Bùi Văn T3, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 (Được sửa đổi, bổ sung ngày 31/5/2023, ngày 12/3/2025, ngày 09/12/2025) của nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim E và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Hồ Thị Kim E có thửa đất 464 (mới 44), tờ bản đồ số 3 (mới 8), diện tích 3970m^2, mục đích sử dụng đất thổ quả, tọa lạc ấp B, xã N (cũ xã B), tỉnh Vĩnh Long do Hồ Thị Kim E đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất này tiếp giáp với thửa 41 (cũ 527), diện tích 2697,9 m^2 do ông Bùi Văn T3 đứng tên quyền sử dụng đất. Trên ranh đất có trụ bê tông và lưới B40 của ông T3 với đường bê tông và trụ bê tông của ông T3 tự cắm. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả lại phần đất tranh chấp ngang 0,5m, dài 150 m, diện tích 75 m^2, theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế phần đất tranh chấp 230,1m^2 đồng thời bị đơn di dời đường bê tông, trụ bê tông cùng cây trồng trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn.

Thời điểm ông T3 xây nhà năm 2006, bà E có tranh chấp nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, các trụ đá 21 ông T3 tự cắm vào năm 2013, bà E không thống nhất, 14 trụ đá ông T3 tiếp tục cắm khoảng năm 2018, bà E không đồng ý, phia ông T3 trồng cây trên đất giáp ranh tại phần đất tranh chấp bà E không thống nhất, đến năm 2022 bà E và ông T3 tranh chấp khởi kiện ra tòa án giải quyết. Bà E đề nghị chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn ông T3, bà H1 trả lại phần đất tranh chấp 230,1 m^2 cho bà E sử dụng. Phần đất tranh chấp có phần nhà ông T3 thì yêu cầu ông T3 trả lại trị giá đất bằng tiền, còn phần tranh chấp còn lại bà E đồng ý trả trị giá cây trồng cho ông T3 theo Hội đồng định giá đã định.

Theo bản tự khai ngày 21/7/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Bùi Văn T3 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông T3 có thửa đất 41 (thửa cũ 527), tờ bản đồ số 8 do Bùi Văn T3 đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do ông, bà để lại, ông T3 sử dụng ổn định trước 1975 và xây dựng nhà ổn định từ trước đến nay không ai tranh chấp, đến năm 2022 bà Hồ Thị Kim E phát sinh tranh chấp. Trong quá trình sử dụng ông T3 có cặm trụ đá, bên bà E có kéo lưới B40 làm hàng rào giữa hai bên phần đất phía trước nhà. Phần đất phía sau nhà trên diện tích đất tranh chấp có cây trồng do ông T3 trồng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã thể hiện. Ông T3 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim E, ông T3 yêu cầu được sử dụng phần đất tranh chấp tại các mốc số 10, 21, 18, 19, 17. ông Bùi Văn T3 đề nghị Hội đồng xét

xử bác yêu cầu nguyên đơn bà Hồ Thị Kim E, giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của ông Bùi Văn T3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 31, 133 của Luật Đất đai; Điều 175 của Bộ luật dân sự; các Điều 147, 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Kim E, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất giữa bà Hồ Thị Kim E với ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1. Công nhận phần đất tranh chấp 99,2 m^2 gồm các mốc 19, 20, 21, B, 19 thuộc quyền sử dụng của bà Hồ Thị Kim E, buộc ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1 tháo dỡ, di dời 14 trụ đá cao 02 m ra khỏi phần đất tranh chấp, giao trả phần đất tranh chấp 99,2 m^2 cho bà Hồ Thị Kim E sử dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu bà Hồ Thị Kim E đối với phần đất tranh chấp 36,4 m^2 và 94,5 m^2. Công nhận phần đất tranh chấp 36,4 m^2 gồm các mốc 21, 9, 10, A, 21 và phần đất tranh chấp 94,5 m^2 gồm các mốc B, 21, A, 18, B thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1, giữ nguyên hiện trạng nhà, hàng rào, cây trồng của ông T3, bà H1 trên các phần đất tranh chấp 36,4 m^2 và 94,5 m^2, buộc bà Hồ Thị Kim E giao trả các phần đất tranh chấp 36,4 m^2 và 94,5 m^2 cho ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1 sử dụng.

Các thửa đất tọa lạc xã N, tỉnh Vĩnh Long (Có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V kèm theo). Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22/12/2025, nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim E kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/12/2025, bị đơn là ông Bùi Văn T3 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày phần đất tranh chấp 230,1m^2, có 99,2m^2 là nguyên đơn đang sử dụng và có 14 trụ đá của bị đơn; phần diện tích 94,5m^2 là nguyên đơn sử dụng trồng cỏ và bị đơn đang sử dụng trồng cây; phần diện tích 36,4m^2 là có nhà của bị đơn đang sử dụng. Nguyên đơn trình bày là giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 527 bị đơn đang giữ bản chính và đã đưa cho Hội đồng xét xử đối chiếu bản chính; phần đất tranh chấp 230,1m^2 bị đơn đang sử dụng, phần 99,2m^2 có 14 trụ đá của bị đơn; phần diện tích 94,5m^2 là bị đơn trồng cây; phần diện tích 36,4m^2 là có nhà của bị đơn đang sử dụng.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim E và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn T3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất giáp ranh là đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo ngày 22/12/2025 của bị đơn là bà Hồ Thị Kim E và đơn kháng cáo ngày 15/12/2025 của bị đơn ông Bùi Văn T3 còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng người đại diện của nguyên đơn đồng ý giải quyết vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Ông Bùi Văn T3 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/1994 thửa đất số 527, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.410m^2 đất thổ quả, tọa lạc ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bà Hồ Thị Kim E được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/2003 thửa đất số 464, tờ bản đồ số 3 diện tích 3.970m^2 đất thổ vườn, tọa lạc ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất số 464, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 8) tiếp giáp với thửa đất số 527, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 41, tờ bản đồ số 8).

Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thì phần đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn qua đo đạc thực tế có diện tích 230,1m^2 (gồm phần đất có diện tích 99,2m^2 tại các mốc 19, 20, 21, B, 19; phần đất có diện tích 36,4m^2 tại các mốc 21, 9, 10, A, 21 và phần đất có diện tích 94,5m^2 tại các mốc B, 21, A, 18, B), thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 8), tọa lạc ấp B, xã N (cũ xã B), tỉnh Vĩnh Long. Theo kết quả đo đạc thửa đất số 527 (41) và thửa đất số 464 (44) thì phần đất tranh chấp có tổng diện tích 230,1m² thuộc thửa đất 464 (nay là thửa 44).

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/6/2025 thể hiện: Phần đất có diện tích 99,2m² tại các mốc có 14 trụ đá cao 02m do ông T3 cắm, không có cây trồng hay vật kiến trúc; phần đất có diện tích 36,4m² và phần đất có diện tích 94,5m² có hàng rào lưới B40, đà kiềng, trụ bê tông cốt thép, 03 cây

măng cụt (10–20 năm tuổi), 01 cây bưởi (5–10 năm tuổi), 01 cây dừa (10–20 năm tuổi), 01 cây cam (5–10 năm tuổi) và một phần căn nhà của ông T3. Như vậy, ông T3 đã trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 36,4m² và phần đất có diện tích 94,5m² ổn định trong thời gian dài, ông T3 đã xây dựng công trình kiến trúc và trồng cây lâu năm nhưng phía bà Hồ Thị Kim E không có ý kiến phản đối, đến năm 2022, ông T3 cắm thêm 14 trụ đá tại phần đất có diện tích 99,2m² thì bà Hồ Thị Kim E mới tranh chấp. Phần đất tranh chấp được xác định là đất CLN.

Thửa đất số 527 (41) và thửa đất số 464 (44) có nguồn gốc từ đất ông bà để lại và đã được các bên quản lý, sử dụng ổn định qua nhiều năm. Các bên đều xác lập ranh giới trên thực tế, cụ thể bị đơn xây nhà, làm hàng rào kiên cố, trồng cây lâu năm, còn nguyên đơn cũng cắm trụ đá và rào lưới B40 sát hàng rào của ông T3. Theo kết quả đo đạc cho thấy hình thể, diện tích và đường ranh hiện trạng sử dụng có sai lệch so với ranh địa chính nhưng quá trình sử dụng các bên tự thỏa thuận xác định ranh giữa hai thửa đất, sử dụng ổn định trong thời gian dài mà không phát sinh tranh chấp, ông T3 quản lý, sử dụng ổn định từ trước đến nay, trên đất có nhà ở, cây trồng và hàng rào của ông T3, phù hợp với hiện trạng sử dụng thực tế. Bà Hồ Thị Kim E cũng không chứng minh được ông T3 cùng bà E ký thống nhất hiệp thương ranh, xác định ranh địa chính là ranh giữa hai thửa đất. Do vậy, cần xem xét hiện trạng sử dụng, ranh giới thỏa thuận đã hình thành từ trước để xác định ranh giới phù hợp với thực tế để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Kim E và ông Bùi Văn T3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Kim E và ông Bùi Văn T3 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim E và bị đơn là ông Bùi Văn T3, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 09/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 31, 133 của Luật Đất đai; Điều 175 của Bộ luật dân sự; các Điều 147, 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Kim E, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất giữa bà Hồ Thị Kim E với ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1. Công nhận phần đất tranh chấp 99,2 m^2 gồm các mốc 19, 20, 21, B, 19 thuộc quyền sử dụng của bà Hồ Thị Kim E, buộc ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1 tháo dỡ, di dời 14 trụ đá cao 02m ra khỏi phần đất tranh chấp, giao trả phần đất tranh chấp 99,2 m^2 đất CLN cho bà Hồ Thị Kim E sử dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu bà Hồ Thị Kim E đối với phần đất tranh chấp 36,4m^2 đất CLN và 94,5m^2 đất CLN. Công nhận phần đất tranh chấp 36,4 m^2 gồm các mốc 21, 9, 10, A, 21 và phần đất tranh chấp 94,5 m^2 gồm các mốc B, 21, A, 18, B thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1, giữ nguyên hiện trạng nhà, hàng rào, cây trồng của ông T3, bà H1 trên các phần đất tranh chấp 36,4m^2 đất CLN và 94,5 m^2 đất CLN. Buộc bà Hồ Thị Kim E giao trả các phần đất tranh chấp 36,4 m^2 và 94,5 m^2 cho ông Bùi Văn T3, bà Nguyễn Thị Kim H1 sử dụng.

Các thửa đất tọa lạc xã N, tỉnh Vĩnh Long (Có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V kèm theo)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Hồ Thị Kim E. Buộc ông Bùi Văn T3 và bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hồ Thị Kim E và ông Bùi Văn T3.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung Ngô Thị Kim Châu Nguyễn Văn D

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 2: 01;
- Phòng THADS khu vực 2: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng